TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **15**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L ONG BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đ

2. Bà Nguyễn Thị Minh Hồng

Thư ký pH tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội tham gia pH tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **557**/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn pH tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Cao T – Sinh năm: 1966 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1973

Cùng HKTT và địa chỉ hiện nay: Số 51 T1, tổ 07 phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn xin ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Cao T trình bày:* Ông T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện G, TP. Hà Nội (Cũ), nay là UBND phường

Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội vào ngày 07/7/1995. Hôn nhân có tìm hiểu. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng hai đến ba năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện ông bà đã sống ly thân. Bà H thường xuyên bỏ nhà đi vài ngày rồi mới về nhà. Mỗi lần bà H bỏ đi thì ông có báo chính quyền địa phương. Nay bà H đã trở về nhà nhưng ông xác định không còn tình cảm gì với bà H, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông không có khả năng hàn gắn,ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Ông T xác định vợ chồng ông bà có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Thanh H1 – Sinh ngày: 12/11/1995, cháu Trần Tiến Đ – Sinh ngày: 18/12/2007. Ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu bà H đóng góp nuôi con. Do cháu H1 đã trưởng thành, việc cháu muốn ở với ai là quyền của cháu.

- Về tài sản chung, công nợ, nhà ở: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp ông sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Theo quy định pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai, các buổi làm việc tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa bà và ông Trần Cao Tùng, bà H trình bầy thống nhất như ông T trình bầy. Đối với mâu thuẫn vợ chồng, bà trình bầy khoảng từ 2 (Hai) đến 3 (Ba) năm gần đây vợ chồng bà có xẩy ra mâu thuẫn do ông T rượu chè và do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân được một năm. Tuy nhiên bà H nhận thấy bà không có lỗi gì dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng. Những lần bà đi xa đều xin phép gia đình, bà đi bán hàng thuê quán bún miến ngan ở phố Bồ Đề và ở lại đó nên không có nhà thường xuyên. Một tháng bà cũng có về nhà vài lần thăm con cái. Trước yêu cầu ly hôn của ông T, bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Cao T.

- Về con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Thanh H1– Sinh ngày: 12/11/1995, cháu Trần Tiến Đ – Sinh ngày: 18/12/2007. Nếu ông T nhất quyết ly hôn, bà sẽ nhận nuôi cháu Đ và yêu cầu ông T đóng góp 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ tháng 01/2018 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Do cháu H1 đã trưởng thành, việc cháu muốn ở với ai là quyền của cháu.

- Về tài sản chung, công nợ, nhà ở: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp bà sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Theo quy định pháp luật.

* Cháu Trần Tiến Đ trình bầy nguyện vọng được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn.

** Đại diện viện kiểm sát tham gia pH toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án như sau:*

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ng□ời tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Cao T đối với bà Nguyễn Thị H. Về việc nuôi con: Đề nghị giao cháu Trần Tiến Đ – Sinh ngày: 18/12/2007 cho ông T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; do cháu Trần Thanh H1– Sinh ngày: 12/11/1995 đã đủ 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Ông Trần Cao T có đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Số 51 T1, phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ông T và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện G, TP. Hà Nội ngày 07/7/1995 (Cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Xét thấy, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn và có tìm hiểu, do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Trần Cao T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà H vắng mặt tại phiên tòa. Đây là phiên tòa lần thứ hai, đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án xét xử vắng mặt cả hai đương sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] ***Về nội dung:*** Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Cao T đối với bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận định: Qua xác minh tại chính quyền địa phương và lời trình bày của con chung đã thành niên của ông T và bà H là cháu Trần Thanh H1 hiện đang chung sống cùng nhà với ông bà, căn cứ vào chính lời trình bầy của cả hai ông bà thì HĐXX có đủ cơ sở khẳng định quá trình chung sống giữa ông T và bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt, cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình trạng hiện tại hai vợ chồng đang sống ly thân với nhau. Nguyên nhân là do ông bà có nhiều bất đồng quan điểm sống dẫn đến xảy ra cãi vã, sự việc bà H có bỏ nhà đi một thời gian mới trở về là sự thật. Nay mặc dù bà H đã trở về nhưng ông T xác định cuộc sống vợ chồng như vậy không hạnh phúc và ông không còn tình cảm với bà H, ông bà không có khả năng hàn gắn, ông kiên quyết xin ly hôn với bà H. Con của ông bà cũng xác định ông bà tuy sống cùng nhà nhưng không có hạnh phúc thực sự. Do đó, HĐXX xét thấy: Yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H là chính và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về con chung: Xác định ông bà có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Thanh H1– Sinh ngày: 12/11/1995, cháu Trần Tiến Đ – Sinh ngày: 18/12/2007. Ông T và bà H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ. HĐXX nhận thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và

nguyện vọng của cháu Đ là cháu muốn được ở với bố vì bố yêu thương và quan tâm cháu hơn mẹ nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét đến nguyện vọng của cháu Đ theo pháp luật cần giao cháu cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H1 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên việc cháu ở với bố hay với mẹ là quyền của cháu.

Về cấp dưỡng, ông T không yêu cầu bà H đóng góp phí tổn nuôi con nên HĐXX xét thấy: Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng của bà H đối với ông T đến khi có quyết định khác thay thế.

- Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Ông T bà H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Cao T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Xử: Ông Trần Cao T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Xác định ông bà có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Thanh H1– Sinh ngày: 12/11/1995, cháu Trần Tiến Đ – Sinh ngày: 18/12/2007. Giao cháu Đ cho ông T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng

góp phí tổn nuôi cháu Đ của bà H cho ông T, kể từ nay cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Bà H được quyền chăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Các đương sự không có yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Cao T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông T đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội theo Biên lai thu tiền số 0006193 ngày 03/11/2017. Nay chuyển thành án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai.

Ông Tùng, bà H đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PH TÒA

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**